

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 51

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Lương Đình Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thạch	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên

#### **Ban Kiểm toán nội bộ**

Ông Nguyễn Vũ Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Vũ Văn Hợi	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/10/2023)
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Trần Thị Thanh Hải

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Trường Anh**

**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Số: 152/2024/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 51 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ của Công ty từ năm 2020 đến năm 2023.

2. Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty (đính kèm).

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại ngày 28/02/2023 liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng, các khoản vay và chi phí lãi vay tương ứng được ghi nhận đối với báo cáo tài chính và việc điều chỉnh cần thiết (nếu có) khi Bộ Tài chính yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

**Bùi Đức Nam**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2020-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.080.149.353.524</b>	<b>4.093.443.617.376</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>198.481.615.722</b>	<b>682.687.029.154</b>
Tiền	111		85.881.615.722	120.987.029.154
Các khoản tương đương tiền	112		112.600.000.000	561.700.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.1</b>	<b>1.963.998.000.000</b>	<b>2.481.188.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.963.998.000.000	2.481.188.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>686.943.232.727</b>	<b>803.968.925.588</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	247.894.495.258	302.038.745.747
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	210.344.692.764	266.072.476.187
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	264.054.474.748	269.712.316.194
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(35.350.430.043)	(33.854.612.540)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>103.657.874.839</b>	<b>93.461.943.822</b>
Hàng tồn kho	141		103.657.874.839	93.461.943.822
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>127.068.630.236</b>	<b>32.137.718.812</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	18.785.814.008	23.940.848.102
Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	105.511.961.546	5.981.696.061
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.770.854.682	2.215.174.649
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.998.832.422.964</b>	<b>2.521.927.144.278</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>122.986.000</b>	<b>158.986.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	122.986.000	158.986.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.975.271.207.436</b>	<b>1.972.875.091.408</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.967.893.459.474	1.966.687.463.363
- Nguyên giá	222		7.373.370.104.670	7.203.328.220.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.405.476.645.196)	(5.236.640.756.829)
Tài sản cố định vô hình	227	14	7.377.747.962	6.187.628.045
- Nguyên giá	228		43.682.888.899	41.100.422.186
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.305.140.937)	(34.912.794.141)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>1.621.046.769.023</b>	<b>127.332.409.246</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.621.046.769.023	127.332.409.246
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>316.727.616.827</b>	<b>326.396.053.176</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.3	300.548.385.677	310.176.822.026
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	17.640.362.162	17.640.362.162
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(1.461.131.012)	(1.421.131.012)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>85.663.843.678</b>	<b>95.164.604.448</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	71.430.061.696	81.730.490.173
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.233.781.982	13.434.114.275
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7.078.981.776.488</b>	<b>6.615.370.761.654</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.343.392.680.436</b>	<b>1.232.592.796.541</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>819.416.783.580</b>	<b>678.607.063.143</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	175.280.784.362	121.892.026.227
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	3.635.699.583	4.342.916.705
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	55.309.394.396	69.863.390.619
Phải trả người lao động	314		211.278.840.353	173.089.054.241
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	223.390.146.403	219.123.666.508
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	70.124.312.770	25.505.681.989
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	26.112.719.131	27.543.252.235
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	16.018.000.000	6.160.188.100
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.266.886.582	31.086.886.519
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>523.975.896.856</b>	<b>553.985.733.398</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	514.726.735.328	549.595.195.452
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		9.249.161.528	4.390.537.946
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.735.589.096.052</b>	<b>5.382.777.965.113</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>5.735.589.096.052</b>	<b>5.382.777.965.113</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		63.049.858.714	70.026.658.714
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.423.444.017.672	1.081.181.705.670
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		844.224.801.999	834.858.605.836
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		276.988.376.703	258.616.071.972
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		567.236.425.296	576.242.533.864
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		748.572.108.776	740.412.686.002
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7.078.981.776.488</b>	<b>6.615.370.761.654</b>

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hải

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.156.446.439.191	2.349.509.752.589
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	2.156.446.439.191	2.349.509.752.589
Giá vốn hàng bán		11	1.400.571.706.996	1.504.407.432.501
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	755.874.732.195	845.102.320.088
Doanh thu hoạt động tài chính		21	217.051.966.215	192.866.413.236
Chi phí tài chính		22	8.911.950.492	18.028.245.321
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	6.529.402.168	7.369.444.568
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		24	77.627.429.384	69.348.818.683
Chi phí bán hàng		25	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	216.285.601.475	215.446.760.798
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	825.356.575.827	873.842.545.888
Thu nhập khác		31	140.914.346.830	20.490.866.058
Chi phí khác		32	50.917.953.832	3.009.464.743
Lợi nhuận khác		40	89.996.392.998	17.481.401.315
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50	915.352.968.825	891.323.947.203
Chi phí thuế TNDN hiện hành		51	165.914.390.614	171.768.260.017
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	4.058.955.875	(4.589.858.232)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60	745.379.622.336	724.145.545.418
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		61	567.236.425.296	576.242.533.864
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		62	178.143.197.040	147.903.011.554
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70	1.735	1.762
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		71	1.735	1.762

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Quyên

Trần Thị Thanh Hải

Nguyễn Tường Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>915.352.968.825</b>	<b>891.323.947.203</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	208.203.952.585	202.015.833.161
Các khoản dự phòng	03	11.393.629.403	(10.432.511.836)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(13.020.739.924)	(29.355.311.230)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(276.105.549.596)	(184.612.269.131)
Chi phí lãi vay	06	6.529.402.168	7.369.444.568
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>852.353.663.461</b>	<b>876.309.132.735</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	81.419.295.624	(250.034.951.983)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.195.931.017)	(8.981.384.335)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	70.689.960.834	35.759.170.525
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15.455.462.571	(9.557.027.172)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.758.662.180)	(3.702.292.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(159.293.419.073)	(156.763.459.610)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	128.800.000	2.179.401.628
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(104.512.144.076)	(97.879.154.156)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>743.287.026.144</b>	<b>387.329.435.410</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.704.860.714.445)	(153.627.535.759)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.487.985.909	10.311.362.112
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.881.130.000.000)	(3.440.988.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.398.320.000.000	3.711.518.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(12.528.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	13.680.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	200.440.581.449	147.253.066.937
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(970.062.147.087)</b>	<b>261.938.893.290</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.819.358.566)	(28.989.471.011)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(229.363.254.578)	(248.877.877.070)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(256.182.613.144)</b>	<b>(277.867.348.081)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(482.957.734.087)</b>	<b>371.400.980.619</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>682.687.029.154</b>	<b>308.962.376.156</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.247.679.345)	2.323.672.379
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>198.481.615.722</b>	<b>682.687.029.154</b>

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hải

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh